

CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÌ SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI QUA 30 NĂM ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

Lương Đình Hải¹

¹Phó giáo sư, tiến sĩ khoa học, Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: tskhldh@yahoo.com.

Nhận ngày 22 tháng 5 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 7 năm 2019.

Tóm tắt: Ở Việt Nam hiện nay, trong hiện thực đang diễn ra hai quá trình song hành, ngược chiều nhau. Đó là xu hướng gia tăng công bằng xã hội song song với xu hướng phân hóa giàu - nghèo đang tăng lên. Việt Nam đang thực hiện đồng thời nhiều nguyên tắc phân phối khác nhau: Phân phối theo lao động, phân phối các nguồn lực phát triển, phân phối theo công lao đóng góp và phân phối các thành quả của sự phát triển, phân phối các cơ hội phát triển. Mỗi nguyên tắc phân phối có vai trò to lớn trong việc thực hiện công bằng, trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Nhưng không có nguyên tắc nào là hoàn hảo. Những nguyên tắc này, *một mặt*, thúc đẩy công bằng xã hội; *mặt khác*, lại tạo ra chênh lệch về thu nhập, phân hóa giàu - nghèo, tức làm gia tăng bất công xã hội. Các nguyên tắc đều phải hoạt động trong một hệ thống thể chế ở từng thời kỳ nhất định, trong những điều kiện cụ thể khác nhau. Hệ thống đó sẽ quyết định mức độ, quy mô và hiệu quả vận hành của từng nguyên tắc phân phối. Nhà nước cùng các chủ thể xã hội khác đóng vai trò quyết định trong việc tạo dựng, sửa đổi, hoàn thiện thể chế và cũng có vai trò quyết định trong việc kết hợp sử dụng các nguyên tắc phân phối. Do đó, họ cũng có vai trò quyết định đối với cả hai xu hướng gia tăng công bằng xã hội và gia tăng phân hóa giàu - nghèo ở giai đoạn phát triển hiện nay của đất nước.

Từ khóa: Công bằng xã hội, vai trò nhà nước, nguyên tắc phân phối, phát triển con người, thể chế.

Công bằng xã hội có thể được xét từ nhiều góc độ khác nhau. Từ trước đến nay, trong lịch sử khi nói đến công bằng xã hội người ta thường tập trung chú ý vào góc độ phân phối các sản phẩm hoặc giá trị đã được tạo ra trong xã hội. Bên cạnh đó, công bằng xã hội cũng có thể

được xem xét từ góc độ quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp, cộng đồng xã hội, hoặc cũng có thể được xem xét từ góc độ quan hệ giữa các cá nhân với nhau hoặc giữa các cá nhân và cộng đồng. Trong vài thập kỷ gần đây, công bằng xã hội được tập trung chú ý nhiều từ một số góc độ khác,

đó là phân phối các nguồn lực cho phát triển, phân phối các thành quả của phát triển và công bằng xã hội trong cơ hội phát triển, đặc biệt là phát triển con người - một góc độ mà thường được xem là sự tổng hợp, bao trùm của cả hai góc độ: Phân phối các nguồn lực và phân phối các thành quả của sự phát triển. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng công bằng trong phân phối cơ hội phát triển không thể bao trùm toàn bộ công bằng trong phân phối các thành quả của phát triển và công bằng trong phân phối các nguồn lực. Bởi, mặc dù có những điểm trùng hợp nhau, song ba góc độ xem xét này có tính độc lập tương đối, có những khác biệt với nhau, chứ không phải cái này bao trùm lên cái kia^(*).

Trong khoảng 20 năm gần đây, công bằng xã hội còn có thể được xem xét từ nhiều góc độ khác, như công bằng giữa các thành phần kinh tế, giữa các khu vực và các loại hình sở hữu. Đặc biệt, các góc độ xem xét này được rất nhiều nhà nghiên cứu kinh tế ở Việt Nam chú ý và có nhiều ý kiến tranh luận. Trong phạm vi này, công bằng về thu nhập của các thành phần dân cư, như công nhân, nông dân, cán bộ, công chức, của các doanh nhân, cũng đã được bàn đến khá nhiều, đặc biệt ở khía cạnh mức độ chênh lệch về thu nhập giữa các thành phần đó. Bên cạnh đó, công bằng về môi trường cũng là một góc độ được xem xét mới xuất hiện trong khoảng một thập niên gần đây và hiện đang được bàn luận và hiểu theo những cách khác nhau.

Như vậy, có thể thấy, tùy thuộc vào góc độ xem xét mà nội hàm khái niệm công bằng có những khác biệt với nhau, vai trò của công bằng đối với sự phát triển con người và xã hội cũng không giống nhau. Tuy nhiên, có một điểm chung là các nghiên cứu về công bằng xã hội ở Việt Nam trong hai thập kỷ gần đây của các tác giả, các tổ chức quốc tế cũng như của các học giả Việt Nam đều có chung nhận định rằng, công bằng xã hội ở Việt Nam đang được cải thiện từng bước, công bằng nhiều hơn cả về chiều ngang và chiều dọc. Công bằng theo chiều ngang với nghĩa là làm việc, công hiến, đóng góp như nhau thì được phân phối ngang bằng nhau. Công bằng theo chiều dọc có nghĩa là làm việc, công hiến, đóng góp khác nhau thì phân phối sẽ chênh lệch nhau theo một tỷ lệ tương đương nhau. Mặc dù vậy, ngay cả khi công bằng được thực hiện nhiều hơn cả về chiều ngang và chiều dọc như đã nói, thì tự nó lại cũng bao hàm sự bất công. C.Mác đã từng nói trong *Phê phán cương lĩnh Gôta* rằng: Nguyên tắc làm theo năng lực, hướng theo lao động là nguyên tắc công bằng nhất dưới chủ nghĩa xã hội. Nhưng nó vẫn bao chứa sự bất công.

(*) Bài viết có sử dụng một số kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp quốc gia KX 01.11/16 - 20 (Ảnh hưởng của cách mạng khoa học công nghệ đến con người Việt Nam hiện nay) và KX 02.18/16 - 20 (Nghiên cứu tổng kết lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề con người, quyền con người và đề xuất, bổ sung, phát triển vào thực tiễn Việt Nam trong bối cảnh mới), do Viện Nghiên cứu Con người chủ trì.

Trong thực tế hiện nay ở Việt Nam, để thực hiện công bằng, Nhà nước và xã hội đang áp dụng đồng thời những nguyên tắc phân phối khác nhau: Phân phối theo lao động, phân phối theo nguồn vốn đóng góp, phân phối theo đóng góp công sức trong quá khứ, phân phối theo uy tín, theo thương hiệu, theo công sáng lập, v.v.. Đi cùng với những nguyên tắc này là các phương thức phân phối khác nhau: Phân phối sản phẩm, phân phối các nguồn lực, phân phối các thành quả phát triển... phân phối các cơ hội phát triển, cũng được triển khai mạnh mẽ. Chính vì vậy, công bằng cá theo chiều ngang lẫn chiều dọc trong những năm gần đây đã được triển khai sâu rộng. Đây chính là một trong những động lực quan trọng cho tăng trưởng và phát triển kinh tế, phát triển con người và xã hội.

Bên cạnh luồng ý kiến nhận định trên, hiện tại trong các nhà nghiên cứu, trên các diễn đàn tranh luận còn có chung một nhận định khác, trái ngược với nhận định trên, cho rằng khoảng cách thu nhập giữa bộ phận dân cư nghèo khổ và tầng lớp giàu có đang ngày càng lớn dần; bất công ở các góc độ khác nhau trong xã hội đang dần tăng lên, làm cho khoảng cách thu nhập cũng đang lớn dần lên. Không nói đến những thu nhập bất hợp pháp, bất hợp lý, hoặc hợp pháp mà bất hợp lý hay hợp lý mà bất hợp pháp, thì với cả những thu nhập hợp pháp, hợp lý cũng như sự bất bình đẳng đang tạo ra và thúc đẩy sự gia tăng khoảng cách chênh lệch giàu

nghèo trong dân cư [Xem: 2, tr.57-64; 5; 6, tr.21-27; 7; 8]. Từ góc độ công bằng xã hội và bất bình đẳng xã hội, nhiều nhà nghiên cứu đều có chung nhận định rằng tại Việt Nam phân hóa giàu nghèo đang gia tăng, bất bình đẳng ngày càng lớn và biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, dù được đo ở các góc độ khác nhau, như kinh tế, y tế, giáo dục, môi trường, giới hay khả năng tiếp cận thông tin, v.v..

Trong hiện thực, cả hai xu hướng, công bằng và bất công, đang đồng thời tồn tại. Chúng đang vận động theo những “đường ray” riêng của mình. Công bằng đang gia tăng trong thực tế, nhưng bất công cũng không vì thế mà giảm bớt. Sự đan xen, cùng tồn tại và tác động qua lại lẫn nhau giữa chúng là nét đặc thù, riêng biệt của xã hội Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tại Việt Nam, Nhà nước và xã hội luôn hướng tới công bằng nhiều hơn. “Nhận thức của toàn xã hội về tăng trưởng kinh tế đi theo hướng phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được nâng lên. Hệ thống luật pháp và chính sách được bổ sung nhằm điều tiết các quan hệ xã hội. Ngân sách nhà nước dành cho các chương trình quốc gia nhằm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội gia tăng hàng năm. Việt Nam đã hoàn thành hầu hết và cơ bản các mục tiêu Thiên nhiên kỷ...” [1, tr.132]. “Mặc dù vậy, quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Sự phát

triển các lĩnh vực, các vùng, miền thiểu đồng bộ. Việc giải quyết một số các vấn đề xã hội chưa hiệu quả; mục tiêu xây dựng quan hệ hài hòa giữa các lĩnh vực, ngành, nghề, vùng, miền chưa đạt yêu cầu; giảm nghèo chưa bền vững, chênh lệch giàu - nghèo và bất bình đẳng có xu hướng gia tăng. Chưa nhận thức đầy đủ vai trò của phát triển xã hội hài hòa, chưa có chính sách, giải pháp kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề biến đổi cơ cấu, phân hóa giàu - nghèo, phân tầng xã hội, kiểm soát rủi ro, giải quyết mâu thuẫn xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, an ninh cho con người” [1, tr.133-134].

Ở Việt Nam hiện nay, công bằng được thể hiện trên một số phương diện sau đây.

Thứ nhất, tại Việt Nam, các lợi ích kinh tế trên quy mô toàn xã hội được phân phối theo nguyên tắc phân phối theo lao động là cơ bản và chủ yếu nhất. Đây là một trong những thay đổi rất căn bản khi đất nước chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu, bao cấp, phi thị trường sang nền kinh tế thị trường. Tính chất nhất quán, sâu rộng và triệt để của nguyên tắc này song hành với sự phát triển của kinh tế thị trường là động lực to lớn của tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước trong nhiều năm qua. Trong xã hội Việt Nam, từ các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý đến người lao động bình thường của xã hội, xuất phát từ tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lenin và từ thực tiễn Việt Nam, đều thống nhất thực hiện nguyên tắc

phân phối theo lao động và xem đó là nguyên tắc công bằng nhất trong điều kiện hiện nay.

Phân phối theo lao động trên thực tế đã xóa bỏ sự cào bằng tồn tại lâu dài và gây nhiều hệ lụy đối với sự phát triển xã hội trong thời kỳ kinh tế bao cấp. Bản thân việc xóa bỏ sự cào bằng đã trở thành động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế thị trường, thực hiện công bằng xã hội trong hiện thực. Về nguyên tắc, khi thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động thì người lao động có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao sẽ có thu nhập cao tương xứng. Đây chính là thực chất và là cốt lõi của nguyên tắc phân phối theo lao động. Nhưng, về phương diện lý thuyết cũng như trên thực tế thì người lao động khác nhau về năng lực, về điều kiện lao động, nên đương nhiên khác nhau về năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động, do vậy, thu nhập của họ sẽ không giống nhau. Sự khác biệt về thu nhập dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động được tích tụ tất yếu đưa đến sự phân hóa giàu - nghèo trong xã hội. Điều này dường như là nghịch lý, nhưng lại là hợp lý trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển con người và xã hội, việc phân phối các nguồn lực phải được tiến hành một cách tối ưu cả ở tầm vĩ mô toàn xã hội và tầm vi mô trong từng địa phương, vùng miền, ngành, nghề, doanh nghiệp. Trong thực tế ở nước ta hiện nay,

việc phân phối các nguồn lực của sản xuất diễn ra vừa theo cơ chế thị trường, vừa theo cơ chế phân bổ của Nhà nước. Cơ chế thị trường vẫn được xem là phương thức phân bổ các nguồn lực một cách khách quan và hợp lý, nhưng cũng có những hạn chế mà tự nó không thể khắc phục. Sự phân bổ của Nhà nước là nhằm bù khuyết những hạn chế của cơ chế thị trường. Nhưng, sự phân bổ đó không phải luôn luôn hợp lý và có thể bù khuyết được những hạn chế của cơ chế thị trường. Nếu cơ chế thị trường “tự do” hoạt động, thì sự chênh lệch giữa các vùng miền, giữa các ngành nghề sẽ ngày càng lớn. Ở đâu “thuận lợi” hơn, ở đó sẽ phát triển hơn, thu nhập lớn hơn, giàu có hơn, tốc độ tăng trưởng cao hơn, phân hóa giàu - nghèo, do vậy, cũng ngày càng lớn. Đó là quy luật tất yếu của kinh tế thị trường nói chung. Thực tiễn kinh tế thị trường thế giới trong hơn 300 năm qua đã khẳng định điều đó.

Chính phủ, nhà nước trong mọi thời kỳ lịch sử đều không thể hoàn hảo. Phân bổ các nguồn lực bằng con đường nhà nước có thể bù khuyết những hạn chế của cơ chế thị trường ở một mức độ nhất định, trên một khía cạnh cụ thể, vào một thời điểm xác định. Nhưng, về nguyên tắc, không có nhà nước hoàn hảo nên không thể có sự phân bổ các nguồn lực một cách hoàn hảo. Sự phân bổ các nguồn lực của nhà nước, *một mặt*, phải dựa vào thị trường; *mặt khác*, phải dựa vào lợi ích của cộng đồng, của quốc gia,

thậm chí của nhóm lợi ích. Vì thế, sự phân bổ ấy bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau, có cả những yếu tố thị trường lẫn những yếu tố phi thị trường. Sự cân bằng và phù hợp trong việc phân bổ các nguồn lực bởi nhà nước luôn là một trạng thái lý tưởng, một nghệ thuật quản lý của các nhà nước khác nhau. Nhà nước có thể có mục đích, có nhận thức, có quyết tâm phân bổ các nguồn lực một cách công bằng, nhưng, năng lực thực hiện điều đó trên thực tiễn lại không phụ thuộc hoàn toàn vào nhà nước. Hơn nữa, kinh tế thị trường luôn biến động, xã hội luôn thay đổi nên việc nhà nước phân bổ các nguồn lực, có thể ngày hôm nay là hợp lý, nhưng ngày mai lại trở thành bất hợp lý. Trong mọi xã hội, kể cả xã hội phong kiến - nơi mà quyền lực của nhà vua là tuyệt đối, thì nhà nước cũng không thể có trong tay đầy đủ các nguồn lực. Vì vẫn tồn tại các lực lượng xã hội khác nắm giữ những nguồn lực khác nhau và có những vai trò độc lập nhất định, chi phối sự phát triển kinh tế và xã hội. Do vậy, cả nhà nước lẫn cơ chế thị trường, *một mặt*, luôn hướng tới công bằng trong phân phối các nguồn lực; *mặt khác*, cả hai lực lượng ấy cũng luôn tiềm ẩn nguy cơ làm mất công bằng trong phân phối các nguồn lực phát triển. Nghịch lý này luôn tồn tại trong hiện thực của mọi chế độ nhà nước đã từng tồn tại trong lịch sử. Đây là lý do tại sao ở nước ta hiện nay, như đã nói ở trên, tồn tại cả hai xu

hướng công bằng gia tăng, nhưng bất công cũng đang lớn lên.

Việc nhà nước phân bổ các nguồn lực phát triển còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Một trong những yếu tố đó là sự phát triển không đồng đều giữa các vùng miền, do lịch sử để lại. *Một mặt*, tình trạng đó có thể do chính kinh tế thị trường tạo ra. *Mặt khác*, tình trạng đó còn do sự phân bổ không đồng đều các tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, những yếu tố khác biệt về lịch sử, văn hóa, xã hội trong những thời kỳ lịch sử khác nhau đã tích tụ và khiến cho các nguồn lực xã hội cũng không giống nhau ở các địa bàn dân cư khác nhau. Những điều đó đã nhân thêm, cộng hưởng lên sự chênh lệch về trình độ phát triển của các lực lượng sản xuất. Đến lượt mình, do sự khác biệt về trình độ phát triển, các lực lượng sản xuất lại ngăn trở sự phân bổ các nguồn lực theo ý muốn của nhà nước. Sự khác biệt về trình độ phát triển của các lực lượng sản xuất giữa các vùng miền, ngành nghề là sản phẩm của lịch sử, kể cả của lịch sử phát triển kinh tế thị trường, nên việc khắc phục những hạn chế của kinh tế thị trường trong phân bổ các nguồn lực của nhà nước luôn bị giới hạn bởi sự khác biệt về trình độ đó. Nói cách khác, dù rất muốn song bất cứ chế độ nào, nhà nước nào cũng không thể *ngay lập tức* xóa bỏ được những bất hợp lý trong phân bổ các nguồn lực phát triển do các lực lượng sản xuất tạo ra. Công bằng và

bất công là hai mặt cùng tồn tại song song, không thể xóa bỏ ngay lập tức khi trình độ phát triển của các lực lượng sản xuất vẫn còn khác biệt giữa các vùng miền, ngành nghề.

Thứ ba, nguyên tắc phân phối các thành quả của sự phát triển là nguyên tắc rất tiến bộ, nhân văn và căn bản của các xã hội phát triển. Ở Việt Nam, do cả điều kiện tự nhiên lẫn điều kiện xã hội, sự phân phối các thành quả của sự phát triển xã hội nói chung vẫn mang tính khác biệt, chưa công bằng là một tất yếu. Vì thế, đòi hỏi một sự công bằng tuyệt đối, thậm chí công bằng tương đối trong giới hạn hẹp cũng là điều không tưởng. Những thành quả của sự phát triển của đất nước cũng như của nhân loại (Internet, công nghệ 3G, di động, truyền hình, v.v.) không thể cùng được thế hệ trẻ ở các thành phố lớn và khu vực biên giới hải đảo, vùng núi, vùng nông thôn thụ hưởng và sử dụng như là những công cụ phát triển con người và cộng đồng một cách giống nhau. Các thành quả của sự phát triển, *một mặt*, là đối tượng của sự thụ hưởng; *mặt khác*, là công cụ rất hữu hiệu để phát triển. Ở đâu khả năng thụ hưởng lớn hơn thì ở đó khả năng phát triển cũng lớn tương ứng. Vì vậy, công bằng trong phân phối các thành quả của phát triển chỉ có thể mang tính chất tương đối. Mức độ công bằng đương nhiên bị giới hạn. Bất công luôn tồn tại, dù mức độ có khác nhau. Mức độ bất công - mặt đối lập của mức độ công bằng lại phụ

thuộc vào khả năng thụ hưởng và sử dụng các thành quả của sự phát triển của con người và cộng đồng ở các khu vực đó. Đây cũng là một trong những tiền đề và nguyên nhân của những bất công đang lớn dần trong đời sống xã hội nước ta hiện nay.

Xóa bỏ bất công này sinh từ sự khác biệt về các điều kiện tự nhiên lẫn điều kiện xã hội, sự khác biệt trong khả năng thụ hưởng và sử dụng các thành quả của phát triển xã hội nói chung, là điều hết sức khó khăn, đòi hỏi rất nhiều thời gian và nỗ lực của Nhà nước ở nhiều thời kỳ khác nhau. Tuy nhiên, chỉ ở trình độ rất cao của sự phát triển các lực lượng sản xuất thì sự khác biệt nói trên, trong những chừng mực nhất định, mới có thể được rút ngắn. Điều đó có nghĩa là ở giai đoạn hiện nay, thậm chí, cho đến khi chưa trở thành nước công nghiệp phát triển cao, hiện đại, thì nước ta chưa thể xóa bỏ được sự bất công có nguồn gốc từ những khác biệt này. Và, nếu không có sự điều tiết của Nhà nước, bằng những công cụ khác nhau, thì sự bất công này sẽ lớn lên với tốc độ rất nhanh. Khó khăn lớn nhất trong việc xóa bỏ những bất công này không phải là ở sự điều tiết của hệ thống quản lý xã hội, mà chủ yếu là ở năng lực thụ hưởng và sử dụng các thành quả của sự phát triển. Nếu ở một vùng miền, ngành nghề nào đó, khả năng này quá thấp thì các thành quả của sự phát triển được cung cấp càng nhiều có thể sẽ càng trở nên lãng phí.

Phân phối công bằng các thành quả của sự phát triển là một nguyên tắc tiên bộ, nhân văn, nhưng không dễ thực hiện ở những nước mà các lực lượng sản xuất phát triển không đồng đều. Nguyên tắc đó là lý tưởng, nhưng khó áp dụng triệt để trong thực tiễn so với các nguyên tắc phân phối khác. Trong điều kiện Việt Nam, khi mà giữa các vùng miền, ngành nghề còn có sự khác biệt, các lực lượng sản xuất phát triển không đồng đều, thì nguyên tắc này dù vẫn cần thiết phải áp dụng, nhưng hiệu quả sẽ không lớn so với nguyên tắc phân phối theo lao động. Nó phải được phối - kết hợp, lồng ghép song song với các nguyên tắc phân phối khác trong thực tiễn để đảm bảo tăng cường sự công bằng cả trong ngắn hạn lẫn dài hạn, giảm bớt bất công từng bước, tùy theo sự phát triển của các lực lượng sản xuất và điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội.

Thứ tư, do chiến tranh giữ nước kéo dài, nhiều thế hệ người Việt Nam đã phải cầm súng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Trong chiến tranh, nhiều người đã hy sinh xương máu, cống hiến sức lực, trí tuệ. Sau chiến tranh họ không còn khả năng lao động, hoặc khả năng lao động bị thu hẹp. Bởi vậy, với các đối tượng này nguyên tắc phân phối theo lao động, hoặc phân phối các nguồn lực, hay phân phối các thành quả của sự phát triển đều không thể đảm bảo công bằng. Phân phối theo công lao đóng góp cho xã hội, cho đất nước cũng là một nguyên tắc căn bản, cần thiết để thực hiện công bằng trong hoàn cảnh cụ thể của

Việt Nam hiện nay. Hình thức thực hiện nguyên tắc phân phối này có thể khác nhau ở các thời kỳ, các địa phương, các vùng miền, ngành, lĩnh vực khác nhau. Nhưng, tác động của nó đến việc thực hiện công bằng xã hội, giảm thiểu bất công là rất lớn trong suốt hơn 30 năm qua. Nhà nước, các tổ chức xã hội, cộng đồng đều tham gia thực hiện nguyên tắc phân phối này trong thực tiễn. Bởi vậy, nó có tốc độ và quy mô sâu rộng, có ảnh hưởng đến xã hội và nhiều cá nhân, gia đình lớn hơn nguyên tắc phân phối các thành quả phát triển.

Sau chiến tranh nguyên tắc phân phối này không chỉ có ý nghĩa thực hiện công bằng về phương diện kinh tế mà còn có ý nghĩa đặc biệt về phương diện văn hóa, xã hội, nhân văn. Nó thể hiện giá trị truyền thống của dân tộc, cung cấp niềm tin cộng đồng, ý thức bảo vệ quốc gia. Xét về phương diện kinh tế, nguyên tắc phân phối này không tác động mạnh bằng các nguyên tắc phân phối khác, như phân phối theo lao động, phân phối các nguồn lực phát triển hay phân phối các thành quả của sự phát triển. Nó chủ yếu có vai trò thực hiện công bằng xã hội và gây ảnh hưởng lớn trong bộ phận dân cư tham gia kháng chiến ở các thời kỳ khác nhau, hiện có thu nhập thấp. Nhưng về phương diện văn hóa, nhân văn, tác động của nó lại rất to lớn, khó có thể tính toán được về mặt kinh tế. Nó góp phần tích cực hàn gắn vết thương chiến tranh trong mỗi con người và trong xã hội nói chung. Nó vẫn cần

thiết và còn phải tiếp tục được thực hiện cho đến khi hậu quả chiến tranh được khắc phục triệt để.

Như vậy, ở Việt Nam hiện nay, để đảm bảo công bằng xã hội, giảm thiểu bất công, có nhiều nguyên tắc phân phối cùng được thực hiện đồng thời. Trong đó có các nguyên tắc căn bản sau đây: Phân phối theo lao động, phân phối các nguồn lực của sự phát triển, phân phối các thành quả của sự phát triển, phân phối cơ hội phát triển, phân phối theo công lao, đóng góp trong kháng chiến. Trong thực tế những nguyên tắc đó đều đã phát huy vai trò, tác dụng to lớn của mình đối với sự phát triển xã hội, đồng thời là một trong những động lực quan trọng của sự phát triển đất nước, con người và xã hội trong hơn 30 năm qua. Tuy nhiên, không có nguyên tắc nào là hoàn hảo, chỉ có mặt tích cực. Trong thực tế, chúng đều có mặt hạn chế, thậm chí có khi, có nơi lại không thúc đẩy sự công bằng xã hội, hoặc làm gia tăng sự bất công xã hội.

Ở giai đoạn mới bắt đầu đổi mới, xã hội Việt Nam chưa phân hóa nhiều như hiện nay, chênh lệch thu nhập chưa lớn như bây giờ, tác động của các nguyên tắc phân phối nói trên rất khác nhau. Theo sự phát triển của kinh tế thị trường, cùng với việc thực hiện các nguyên tắc phân phối nói trên, sự phân hóa giàu - nghèo trong xã hội đã và đang diễn ra khá mạnh, nhanh, rộng khắp. Các nguyên tắc phân phối hiện có tác động khác nhau đến các tầng lớp xã hội khác nhau. Đây

là một trong những đặc điểm rất cần được lưu ý trong việc quản lý và điều hành sự phát triển kinh tế, phát triển con người và xã hội.

Nguyên tắc phân phối các nguồn lực phát triển, đương nhiên có ảnh hưởng lớn đến tầng lớp doanh nhân, có thu nhập cao. Nguyên tắc phân phối theo công lao, đóng góp cũng có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến những người đã tham gia kháng chiến, có sức khỏe yếu, bị hạn chế hoặc mất khả năng lao động. Nguyên tắc phân phối theo lao động có tác động rộng khắp, trực tiếp đến tầng lớp trung lưu trong xã hội. Phân phối theo những nguyên tắc khác nhau với sự điều tiết tích cực của Nhà nước, xã hội Việt Nam hiện đã phân thành 5 tầng lớp khác nhau [Xem: 6, tr.21-27; 7]. Mức độ chênh lệch giữa các tầng lớp đang lớn dần. Điều đó nói lên rằng, dù trong thực tiễn hàng loạt các nguyên tắc phân phối để thực hiện công bằng xã hội đã được áp dụng, nhưng sự phân hóa giàu - nghèo vẫn có chiều hướng gia tăng. Vì thế, sự điều tiết của Nhà nước cần được thực hiện một cách đúng đắn hơn, thích hợp hơn, khách quan và dựa trên lợi ích chung của quốc gia, dân tộc nhiều hơn; cần kết hợp hiệu quả hơn các nguyên tắc phân phối để thực hiện công bằng xã hội trong mỗi bước phát triển, trong mỗi chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

Theo một số nghiên cứu được công bố đã nói ở trên, tại Việt Nam đã và đang có

xu hướng phân hóa hai cực tương phản giàu - nghèo về mức sống và phân tầng xã hội theo hình kim tự tháp. Số hộ giàu chiếm khoảng hơn 20% dân số, thuộc phần trên đỉnh của kim tự tháp, bao gồm tầng lớp lãnh đạo, quản lý, doanh nhân và chuyên gia có trình độ cao, có thu nhập cao nhất trong xã hội. Tầng giữa của kim tự tháp với khoảng 60% dân số bao gồm các cán bộ, viên chức, công nhân, buôn bán, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp có thu nhập trung bình trong xã hội. Tầng thấp nhất của kim tự tháp chiếm khoảng 20% dân số là tầng lớp có thu nhập thấp nhất, gồm những người thất nghiệp, lao động giản đơn, không có chuyên môn, nông dân, là tầng lớp nghèo của xã hội. Trong các tầng lớp sự phân hóa giàu - nghèo đang có chiều hướng diễn ra khá nhanh. Theo Tập đoàn Knight Frank, năm 2013 Việt Nam có khoảng 110 doanh nhân siêu giàu, có tài sản trên 30 triệu đôla (nhiều hơn 10 năm trước đó là 34 người). Tốc độ tăng người siêu giàu trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến 2025 ở Việt Nam dự báo sẽ là 166%, cao nhất thế giới (đạt gần 300 người). Thành phố Hồ Chí Minh là nơi có số người siêu giàu tăng nhanh nhất, dự báo khoảng 173%. Nhiều người giàu tăng nhanh là chi béo, dấu hiệu tốt của nền kinh tế [Xem: 4], nhưng lại đặt ra vấn đề về việc điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội ở tầng trên của kim tự tháp.

Khoảng 25 năm trước, vào đầu những năm 1990, Việt Nam có quá nửa số hộ dân

sống dưới mức nghèo khổ. Hiện nay, cả nước chỉ có khoảng 6% số hộ nghèo, gần như không còn hộ đói. Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo và số lượng người nghèo tuyệt đối giữa các vùng miền lại có sự chênh lệch khá lớn. Mặt khác, do thiên tai, tính bền vững của việc làm và thu nhập, do nguy cơ dịch bệnh và sức khỏe, nên số hộ nghèo có thể tăng nhanh do số lượng các hộ cận nghèo, giáp ranh nghèo là rất lớn. Tình trạng tái nghèo do những yếu tố bất lợi như kết cấu hạ tầng kém, trình độ dân trí thấp, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, trình độ sản xuất thấp, kinh tế manh mún, nhỏ lẻ, do quá trình đô thị hóa hoặc di dân bị động, v.v. cũng đang tồn tại như một xu hướng. Những sơ hở, bất cập trong quản lý cũng làm cho số người giàu bất chính, và số người tái nghèo gia tăng [Xem: 6, tr.21-27; 3; 4]. Đây cũng là một vấn đề thực tế, một thách thức đang đặt ra trong việc thực hiện công bằng xã hội ở nước ta hiện nay. Chênh lệch giàu - nghèo hay bất công do các yếu tố bất lợi khách quan thường không gây bức xúc xã hội như chênh lệch giàu - nghèo hay bất công do các yếu tố thể chế, điều hành hoặc quản lý của các chủ thể xã hội, đặc biệt là của Nhà nước, gây nên. Tuy nhiên, trong dài hạn, nếu việc khắc phục chênh lệch giàu - nghèo do các yếu tố bất lợi khách quan không được tiến hành thường xuyên, liên tục và có hiệu quả, thì cũng gây bức xúc xã hội không kém phần nặng nề, có thể tạo thành yếu tố bất lợi đối với phát triển bền vững.

Thể chế kinh tế và xã hội nói chung hoặc lạc hậu hơn thực tiễn đời sống kinh tế, xã hội, hoặc chậm được đổi mới, hoàn thiện là một trong những nhân tố quan trọng, thậm chí trong nhiều trường hợp, quyết định quy mô, tốc độ phân hóa giàu - nghèo. Theo chúng tôi, có bốn dạng phân hóa giàu - nghèo về thu nhập: *Thứ nhất*, phân hóa do những thu nhập bất hợp pháp - bất hợp lý; *thứ hai*, phân hóa do những thu nhập hợp pháp - bất hợp lý; *thứ ba*, phân hóa do những thu nhập hợp lý - bất hợp pháp; *thứ tư*, phân hóa do những thu nhập hợp pháp - hợp lý. Các dạng phân hóa giàu - nghèo nói trên đều do thể chế kinh tế không phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, do trình độ phát triển của các lực lượng sản xuất và của nền kinh tế nói chung nên dạng phân hóa thứ tư, phân hóa do những thu nhập hợp pháp - hợp lý, được xã hội chấp nhận, bởi thể chế phù hợp với những điều kiện khách quan. Các dạng phân hóa khác đều do bất hợp lý của thể chế. Xã hội Việt Nam trong mấy thập kỷ gần đây, đặc biệt là Nhà nước, đã ý thức rõ việc cải cách thể chế kinh tế. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, những cải cách này vẫn chưa đạt được những kết quả mong muôn.

Tại Việt Nam, trong số các loại thể chế khác nhau thì thể chế kinh tế đã được thay đổi, đổi mới, hoàn thiện liên tục, nhanh, mạnh, khá triệt để và với quyết tâm lớn. Tuy nhiên, không phải chỉ mỗi thể chế kinh tế là loại thể chế

duy nhất quyết định mức độ công bằng xã hội. Mặc dù rằng thể chế kinh tế ở Việt Nam vẫn đang, *một mặt*, thúc đẩy công bằng xã hội; *mặt khác*, lại đang làm cho bất công tiếp tục gia tăng. Do đó, hoàn thiện thể chế các loại một cách đồng bộ, phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế và xu thế phát triển xã hội phải là nhiệm vụ trọng tâm trong việc thực hiện công bằng xã hội ở nước ta hiện nay. Nếu càng chậm trễ thì phân hóa giàu - nghèo hay bất công càng gia tăng, những bức xúc xã hội sẽ tích tụ và bùng phát, gây nên những hệ lụy khó lường, cản trở sự phát triển bền vững của đất nước.

Thể chế tác động đến việc thực hiện công bằng xã hội qua nhiều kênh khác nhau. Nó có thể trực tiếp quy định, cụ thể hóa các nguyên tắc phân phối khác nhau. Nó cũng có thể tạo những tiền đề, mở ra những cơ hội khác nhau để có những nguồn thu nhập khác nhau. Thể chế cũng có thể mở ra những lĩnh vực, ngành nghề, khu vực hoặc địa bàn kinh doanh thuận lợi ở những thời kỳ xác định, thích hợp với một loại đối tượng nhất định. Bằng cách đó tạo nên những nguồn thu nhập khác nhau, thúc đẩy việc thực hiện công bằng xã hội, hoặc tạo ra những chênh lệch thu nhập để thúc đẩy lĩnh vực, ngành nghề, khu vực hoặc địa bàn đó phát triển nhanh hơn. Thể chế cũng có thể bằng các công cụ trực tiếp tác động vào thu nhập như các loại thuế, phí, đầu tư các nguồn lực tài chính để

điều chỉnh thu nhập, thực hiện công bằng xã hội. Hoàn thiện thể chế cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của các lực lượng sản xuất, của nền kinh tế nói chung cho đồng bộ lẫn nhau giữa các loại thể chế, là nghệ thuật lãnh đạo và quản lý của Nhà nước. Tinh chất kiến tạo, đổi mới của Nhà nước được thể hiện ở chính điểm này như là một trong những cách thức thực hiện công bằng xã hội trong mỗi chính sách, mỗi giai đoạn, mỗi bước phát triển.

Do điều kiện lịch sử và sự phát triển của nền kinh tế, Việt Nam không thể thực hiện công bằng xã hội theo nghĩa tuyệt đối. Bởi vì, bất kỳ một nguyên tắc phân phối nào trong điều kiện lịch sử hiện nay đều tạo ra sự chênh lệch về thu nhập, nghĩa là góp phần tạo nên sự bất công. Nhưng, trong tổng thể các giải pháp thực hiện công bằng xã hội thì việc sử dụng tổng hợp chúng, kết hợp lẫn nhau để đảm bảo công bằng xã hội lại là một đòi hỏi của phát triển bền vững, của tiến bộ xã hội. Điều đó có nghĩa rằng, trong hiện thực của xã hội, cả hai khuynh hướng công bằng xã hội nhiều hơn và bất công lớn hơn đều tồn tại và có tính tất yếu, không thể xóa bỏ sự tồn tại của một xu hướng đơn lẻ nào. “Bất công hợp lý” có thể với ý nghĩa là trong một chừng mực chấp nhận được là động lực mạnh mẽ cho hoạt động của các chủ thể xã hội, Vì vậy, vai trò của Nhà nước trong việc tạo ra thể chế thúc đẩy công bằng và kiểm soát được “bất công hợp

lý” là rất quan trọng. Thể chế là công cụ, phương tiện, điều kiện, tiền đề rất quan trọng, thậm chí là quyết định đến việc thực hiện công bằng xã hội ở nước ta hiện nay.

Trong thực tế, hệ thống thể chế do Nhà nước cùng các chủ thể xã hội khác tạo ra sửa đổi và hoàn thiện, nhưng Nhà nước luôn đóng vai trò quyết định. Dù phân phối theo nguyên tắc nào thì việc tạo dựng hệ thống thể chế để đảm bảo khung khổ pháp lý, hành chính, môi trường xã hội, phù hợp cho các nguyên tắc phân phối được triển khai cũng đóng vai trò quyết định. Nói cách khác, ở một giai đoạn phát triển nhất định, công bằng xã hội phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống thể chế. Do vậy, nói vai trò của Nhà nước mang tính quyết định trong việc thực hiện công bằng xã hội là với ý nghĩa như vậy.

Tóm lại, ở Việt Nam đang song hành cả hai quá trình: Công bằng xã hội đang được tăng cường cả về bề rộng lẫn chiều sâu và bất công cũng đang gia tăng làm cho phân hóa giàu - nghèo càng mở rộng. Đây là tất yếu lịch sử do việc thực hiện các nguyên tắc phân phối khác nhau. Cần phải nhận thức rằng, không có một nguyên tắc nào trong số đó có thể tạo ra sự công bằng mà không đưa đến sự chênh lệch trong phân phối, nghĩa là không có nguyên tắc nào hoàn hảo trong việc thực hiện công bằng xã hội. Vì thế, Nhà nước đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện công bằng xã hội ở giai đoạn phát

triển hiện nay của nước ta thông qua việc tạo dựng, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống các thể chế để thực hiện các nguyên tắc phân phối trong sự phối - kết hợp lẫn nhau, nhằm thực hiện công bằng xã hội một cách tối ưu.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [2] Lương Đình Hải (2017), *Góp thêm ý kiến về công bằng trong phân phối ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Triết học, số 9 (36) - 2017.
- [3] Lê Ngọc Hùng, *Chênh lệch giàu nghèo và phân tầng xã hội ở Hà Nội hiện nay*; website <http://dangconsan.vn>, ngày 08 - 10 - 2010.
- [4] Hoàng Long, *Phân hóa giàu nghèo đang tăng nhanh*; <http://wwwdoanhnhansaigon.vn> ngày 21 tháng 7 năm 2014.
- [5] Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, *Tư tưởng của C.Mác về công bằng xã hội với dân chủ và ý nghĩa hiện thời của nó*, Nxb Khoa học xã hội, 2018.
- [6] Đỗ Thiên Kính (2017), *Bất bình đẳng mức sống ở nông thôn Việt Nam qua sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình*, Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, số 3 - 2017.
- [7] Đỗ Thiên Kính (2018), *Phân tầng xã hội và di động xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội.
- [8] Oxfam (2017), *Báo cáo về bất bình đẳng ở Việt Nam*, 1 - 2017, Thu hẹp khoảng cách cùng giảm bất bình đẳng ở Việt Nam - Báo cáo Nghiên cứu chính sách, ngày 12 - 1 - 2017 của Oxfam tại Việt Nam.